TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HSST
Ngày: 15/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2020/HSST ngày 11 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn G, sinh năm: 1993; Nơi ĐKHKTT: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo, Quốc tịch: Việt Nam; cha Trần Văn B, sinh năm 1969 và mẹ Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; Anh em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất. Tiền sự: 01 lần, ngày 25/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện A Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang 24 tháng, chấp hành xong ngày 02/4/2020. Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Hoài T sinh năm: 1993; Nơi ĐKHKTT: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; cha Nguyễn Văn E, sinh năm: 1950 và mẹ Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961; Anh em ruột có 05 người, bị cáo là người nhỏ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 07/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến ngày 08/10/2020 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện A và được áp dụng biện pháp

ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/10/2020 cho đến ngày 13/12/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài T: Ông Trần Phước T, sinh năm: 1985; Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 9, Lê Văn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị hại: Ông Ngô Thanh D, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

2/ Ông Võ Văn T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

2/ Ông Mã K, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3/ Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4/ Ông Hồ Văn C, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2020, sau khi nhận được tin báo của ông Phạm Văn C về việc nhà của ông Ngô Thanh D bị mất trộm 01 máy giặt hiệu Toshiba loại 8,2kg. Do nghi vấn Nguyễn Hoài T lấy trộm nên Công an xã P mời T về làm việc thì T thừa nhận hành vi cùng với Trần Văn G lấy trộm máy giặt của ông D.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 22 giờ ngày 24/9/2020, G đến quán nước giải khát của ông Hồ Văn C thuộc ấp P, xã P, huyện A gặp T. G rủ T đến khu dân cư cầu số 6 thuộc ấp P, xã P tìm tài sản trộm bán lấy tiền tiêu xài được T đồng ý. Khi đến khu dân cư, cả hai phát hiện nhà ông D không người ở, cửa trước nhà khóa ngoài, cửa sau nhà làm bằng tole bắt ốc vít, G liền dùng cây tua vít mang theo gỡ bỏ ốc vít, rồi cùng với T lẻn vào nhà lấy trộm 01 máy giặt hiệu Toshiba loại 8,2kg của ông D, mang về nhà G cất giấu. Sau khi cất giấu máy giặt xong, G một mình trở lại lẻn vào nhà của ông D lấy trộm thêm 02 máy cắt gạch màu xanh, hiệu Bosh mang về nhà cất giấu.

Đến ngày 25/9/2020, G mang 02 máy cắt gạch đến nhờ Trần Văn T bán nhưng không có người mua nên T giao 02 máy cắt gạch cho Trần Văn Đ đổi lấy ma túy mang

về cho G sử dụng. Ngày 26/9/2020, G gọi điện nhờ Võ Văn T giới thiệu bán máy giặt cho Nguyễn Thị Ngọc L được 2.500.000 đồng và tiêu xài hết.

Đến ngày 28/9/2020 Công an mời T và G làm việc thì T và G thừa nhận hành vi lấy trộm máy giặt của ông D. Đồng thời, G còn thừa nhận hành vi lấy trộm 02 máy cắt gạch của ông D như nội dung vụ án.

Bị hại Ngô Thanh D trình bày phù hợp như nội dung vụ án. Ông D đã nhận lại máy giặt bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với 02 máy cắt gạch G lấy trộm và đã bán, ông yêu cầu bồi thường cho ông theo quy định pháp luật.

Bà L trình bày: Bà mua máy giặt của G với số tiền 2.500.000 đồng, lúc mua bà không biết tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi biết, bà đã tự nguyện giao nộp máy giặt lại cho Cơ quan Công an xử lý. Nay bà yêu cầu G bồi thường cho bà 2.500.000 đồng.

Người làm chứng Phạm Văn C, Nguyễn Thị P, Hồ Văn C, Mã K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T, Võ Văn T khai nhận phù hợp như nội dung vụ án.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 45/KL-ĐGTSTTHS ngày 30/9/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 01 (một) máy giặt hiệu Toshiba, loại 8,2kg màu trắng đã qua sử dụng giá trị định giá 3.945.000 đồng.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 50/KL-ĐGTSTTHS ngày 10/11/2020của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 02 (hai) cây máy cắt gạch, màu sơn xanh hiệu Bosh (01 cây có lưỡi cắt, đã qua sử dụng, mua năm 2019; 01 cây không có lưỡi cắt, đã qua sử sung, mua năm 2018). Tổng giá trị định giá 1.400.000 đồng.

Ngày 02/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố các bị can Trần Văn G và Nguyễn Hoài T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên , bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSAP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố Nguyễn Hoài T và Trần Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo G thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án và đồng ý bồi thường cho ông D 1.400.000 đồng, bà L 2.500.000 đồng.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án. Bị cáo xác định khi T đổi ma túy về bị cáo không sử dụng.

Bị hại D yêu cầu bị cáo G bồi thường 1.400.000 đồng.

Ông T trình bày: Sau khi đổi ma túy về ông đưa cho bị cáo G sử dụng, khi đó không có mặt T.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn G từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo G bồi thường cho ông D số tiền 1.400.000 đồng, bồi thường cho bà L số tiền 2.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tài sản đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài T tranh luận: Thống nhất với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo T. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong thời gian tại ngoại bị cáo không vi phạm pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ

vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 24/9/2020, bị cáo G và T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 máy giặt hiệu Toshiba màu trắng, loại 8,2 kg đã qua sử dụng của ông Ngô Thanh D, trị giá 3.945.000 đồng. Riêng, bị cáo G còn lấy trộm 02 máy cắt gạch của ông D, trị giá 1.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo G lấy trộm là 5.345.000 đồng, còn Nguyễn Hoài T là 3.945.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của ông D nhưng vẫn lét lút lấy trộm bằng được tài sản, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đến cùng với lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo Trần Văn G và Nguyễn Hoài T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không an tâm lao động sản xuất. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ với nhau, bản thân các bị cáo là những người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo G đã từng bị áp dụng biếp pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng vừa chấp hành xong lại thực hiện hành vi phạm tội khi chủ động lấy trộm tài sản của người khác. Sau khi cùng T trộm được máy giặt bị cáo không dừng lại ở đó mà còn tiếp tục trộm 02 máy cắt gạch của bị hại. Đối với bị cáo T mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích và đã chấp hành xong, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Các bị cáo là các thanh niên khỏe mạnh lẽ ra phải lao động chân chính tạo thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và gia đình làm gương cho anh em nhưng ngược lại các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật chỉ nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Điều đó thể hiện ở ý thức các bị cáo xem thường pháp luật, không có ý thức cải tạo để rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án đầu khung hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo T có nhân thân xấu khi đã chấp hành xong và xóa án tích đối với hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo G vẫn có một tiền sự khi vừa chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo G: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo G được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện đến Công an xã P khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Thống nhất với quan điểm kiểm sát viên là các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại D yêu cầu bị cáo G bồi thường 1.400.000 đồng, bị cáo G đồng ý với yêu cầu của ông D, thống nhất bồi thường cho bị hại với số tiền bị hại yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện A, bà L yêu cầu bị cáo G bồi thường 2.500.000 đồng tiền mua máy giặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng bà L vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị cáo G đồng ý bồi thường cho bà L 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bị cáo bồi thường cho bà L số tiền 2.500.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại tài sản cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Đối với Võ Văn T, người được bị cáo G nhờ bán máy giặt, khi nhận lời bán máy giặt T không biết tài sản do bị cáo G trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý T là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L là người mua máy giặt, khi mua bà L không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý bà L là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị P mẹ của G không biết máy giặt do G trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý bà P là có căn cứ.

Ông Trần Văn T là người được G nhờ đi bán 02 máy cắt gạch, T khai không biết 02 máy cắt gạch do G trộm cắp mà có và hành vi mang 02 máy cắt gạch đổi lấy ma túy cho G sử dụng. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Trong vụ án này còn có Trần Văn Đ là người được T đổi 02 máy cắt gạch lấy ma túy về cho bị cáo G sử dụng nhưng Đ đã bỏ địa phương đi Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A chưa ghi được lời khai nên chưa có cơ sở xem xét xử lý. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo G là vi phạm pháp luật nên đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện A tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn G, Nguyễn Hoài T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/9/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến ngày 08/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn G phải bồi thường cho ông Ngô Thanh D số tiền 1.400.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn G phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Văn G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoài T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo vệ lợi ích của người mình bào chữa. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sang